TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2018/QĐST-HNGĐ	*An Lão, ngày 25 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 260/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Nguyễn Thị D, nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng và anh Nguyễn Văn T, nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T có ba con chung là Nguyễn Thị P, sinh ngày 21 tháng 01 năm 1993; Nguyễn Thị H, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1999 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2007. Hiện con Nguyễn Thị P và con Nguyễn Thị H đã trưởng thành. Khi ly hôn chị D và anh T thỏa thuận: Chị D trực tiếp nuôi con Nguyễn Thành T, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị D, anh T thỏa thuận anh T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Thành T là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Xét việc thỏa thuận của

các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận chị Nguyễn Thị D nhận nộp cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con Nguyễn Thành T, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2007. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/ tháng (hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị D nhận nộp cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017015 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo đúng quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hạn thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Uỷ ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhạn